

DUY-MA KINH HUYỀN SỚ

QUYỂN 3

3. PHÂN BIỆT THEO BỐN GIÁO:

Trước dùng ba quán giải thích Tịnh Vô cấu xưng là y cứ theo lý trí không hoặc nhiễm, Trí hay xứng lý, lý lại xứng duyên, nên có hiệu là Vô cấu xưng. Nhưng vì chúng sinh có cơ duyên bất đồng, nên dẫn đến sự sai biệt đốn tiệm, sự khác nhau về bất định và bí mật. Vì thế xưa nay các sư, mỗi mỗi đều dùng lý giải thích. Nay lập nghĩa lại khác với các quy tắc từ trước, cho nên lý vô ngôn dùng Tất-đàn ứng duyên mà khéo thuyết, lược soạn ra bốn giáo để diễn xướng Tông chỉ mà giải thích danh từ Tỳ-ma-la-cật. Nếu có thể đạt được yếu chỉ ấy, không chỉ sáng tỏ được ý nghĩa của văn kinh này, mà còn không trệ ngại nơi các giáo đốn, tiệm, bí mật, bất định nữa. Nay luận nghĩa này lược nêu bảy lớp:

1. Giải thích tên của bốn giáo
2. Luận về sở thuyên
3. Phân biệt theo vị
4. Luận về quyền thật
5. Đối với quán tâm
6. Thông các kinh luận.
7. Giải thích văn kinh này.

* *Giải thích tên của bốn giáo:*

Gồm bốn ý: giải thích tên Tạng giáo, giải thích tên Thông giáo, giải thích tên Biệt giáo, giải thích tên Viên giáo.

1. *Giải thích tên Tam Tạng giáo:*

Giáo này nói về lý bốn Thánh đế nhân duyên sinh diệt, chính là giáo hóa Tiểu thừa, phụ giáo hóa Bồ-tát. Nói Tam tạng là Tu-đa-la tạng, Tỳ-ni tạng và A-tỳ-đàm tạng. Tu-đa-la tạng, Tu-đa-la ở Trung Quốc hoặc không phiên, hoặc nói có phiên, có rất nhiều nhà nói khác nhau về việc này. Nhưng phần nhiều phiên là Pháp bản. Vì đó là gốc của ngôn giáo xuất thế nên gọi là Pháp bản, tức bốn bộ kinh A-hàm. Tỳ-ni tạng, Trung Quốc phiên là Diệt, tức Đức Phật thuyết giới tác, vô

tác để trừ diệt ác nghiệp của thân khẩu, nên gọi là Diệt, tức là Bát thập tụng luật (đó là từ quả mà lập tên). A-tỳ-đàm tạng, A-tỳ-đàm Trung Quốc phiên là Vô tỷ pháp. Bậc Thánh dùng trí tuệ phân biệt pháp nghĩa, giới định không sánh bằng, nên gọi là Vô tỷ pháp. Như Đức Phật tự phân biệt nghĩa của các pháp tướng, hoặc các đệ tử phân biệt pháp tướng, đều gọi là A-tỳ-đàm. Ba pháp này gọi chung là tạng, vì tạng nghĩa là hàm chứa. Nhưng giải thích nghĩa hàm chứa lại khác nhau. Có người cho rằng văn hay hàm chứa lý nên gọi là tạng, có người lại cho rằng lý hàm chứa văn nên gọi là tạng. Ở đây nói tên của ba pháp này, mỗi mỗi có một câu, ba tên mỗi mỗi đều hàm chứa văn và lý nên gọi là tạng. Trong đó A-hàm là Định tạng nên nói là Thứ đệ cầu, Tỳ-ni là giới tạng nên nói nhân duyên cầu, A-tỳ-đàm là tuệ tạng nên nói Tánh tướng cầu. Giáo này thuộc Tiểu thừa, nên kinh Pháp Hoa nói: “Những học giả tham chấp Tam tạng của Tiểu thừa.”

2. Giải thích tên Thông giáo:

Thông tức là đồng. Cả ba thừa đồng vãng thọ nên gọi là thông. Giáo này nói về lý bốn chân đế nhân duyên tức không vô sinh, là cửa đầu tiên của giáo Ma-ha-diễn, chánh là dạy Bồ-tát và phụ gồm Nhị thừa. Phẩm Khuyến Học, kinh Đại Phẩm nói rằng “Muốn học giáo chung của ba thừa thì nên học Bát-nhã.” Nói Thông, gồm rất nhiều nghĩa, nay chỉ lược nêu ra tám nghĩa: Giáo thông, lý thông, trí thông, đoạn thông, hạnh thông, vị thông, nhân thông, quả thông. Giáo thông tức ba thừa đồng vãng thọ giáo huyễn hóa tức không, lý thông tức đồng là lý Thiên chân; trí thông tức đồng đạt được Nhất thiết trí xảo độ; đoạn thông tức đồng đoạn trừ hoặc trong ba cõi; hạnh thông tức đồng tu hạnh Kiến tư vô lậu; vị thông tức đều đồng từ vị Càn tuệ địa đến Bích-chi-Phật; nhân thông tức đồng có chín vô ngại; quả thông tức đồng hai quả Niết-bàn của Cửu giải thoát. Nghĩa thông có tám mà nay chỉ gọi là Thông giáo, là vì nếu chẳng nhân nơi giáo thông thì chẳng biết lý thông cho đến thành quả thông. Cho nên các kinh Đại thừa Phương đẳng và các Bát-nhã có nói Nhị thừa đặc đạo, đó đều là vãng thọ giáo này.

3. Giải thích tên Biệt giáo:

Biệt tức là tên khác của bất cộng (chẳng cùng chung). Giáo này chẳng nói chung cho hàng Nhị thừa mà chỉ dạy riêng hàng Bồ-tát nên gọi là Biệt giáo. Giáo này nói về lý Tứ Thánh đế vô lượng nhân duyên giả danh, mục đích giáo hóa Bồ-tát mà chẳng đề cập đến Nhị thừa. Nói biệt, ý nghĩa rất nhiều, nay chỉ lược nêu tám ý. Giáo biệt, lý biệt, trí biệt, đoạn biệt, hạnh biệt, vị biệt, nhân biệt và quả biệt, đầy đủ tám ý

này nên gọi là Biệt giáo.

Giáo biệt, tức nói hằng hà sa Phật pháp chỉ vì các Bồ-tát. Lý biệt, tức tạng thức có hằng hà sa lý các Tục đế.

Trí biệt, tức Đạo chủng trí.

Đoạn biệt, tức đoạn hằng hà sa vô tri và các hoặc Kiến, tư, vô minh ở giới ngoại.

Hạnh biệt, tức Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hạnh tự lợi và hóa tha.

Vị biệt, tức ba mươi tâm là vị Hiền, mười địa phát chân trí đoạn trừ vô minh gọi là vị Thánh.

Nhân biệt, tức nhân Kim cang vô ngại.

Quả biệt tức quả bốn đức Đại Niết-bàn giải thoát.

Biệt có tám nghĩa mà chỉ gọi Biệt giáo, là vì nếu chẳng nhân nơi Biệt giáo, thì chẳng biết Biệt lý cho đến được Biệt quả.

Hỏi: Vì sao chẳng nói là Bất cộng giáo mà gọi là Biệt giáo?

Đáp: Luận Đại trí nói bất cộng Bất-nhã tức chẳng thuyết chung cho hàng Nhị thừa, như kinh chẳng thể nghĩ bàn. Nay nói Biệt giáo, như thuyết Phương đẳng, Đại phẩm thì Nhị thừa cùng nghe thuyết nhưng chỉ dạy riêng Bồ-tát, lại muốn phân biệt chẳng phải là Viên giáo, Biệt tuy khác Thông nhưng còn chưa Viên.

4. Giải thích tên Viên giáo:

Viên nghĩa là chẳng thiên. Giáo này nói về lý thật tướng trung đạo nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, sự lý đầy đủ, chẳng thiên, chẳng biệt, dùng để giáo hóa bậc Đại sĩ có căn cơ tối thượng, nên gọi là Viên. Nghĩa của Viên rất nhiều, nhưng ở đây chỉ lược nêu tám ý: Giáo viên, lý viên, trí viên, đoạn viên, hạnh viên, vị viên, nhân viên, quả viên.

Giáo viên tức nói thẳng vào nhất thật đế, ngôn giáo chẳng thiên bên nào.

Lý viên, nhất thật tức biến pháp giới, lý chẳng thiên lệch.

Trí viên tức Nhất thiết chủng trí.

Đoạn viên tức đoạn tận năm trụ hoặc.

Hạnh viên, tức một hạnh gồm tất cả hạnh.

Vị viên, tức từ Sơ địa đã đầy đủ công đức của các Địa khác.

Nhân viên, tức song chiếu Nhị đế, tự nhiên lưu nhập.

Quả viên, tức quả Diệu giác đầy đủ ba đức chẳng thể nghĩ bàn.

Nghĩa của Viên có tám nhưng chỉ nói về Viên giáo là vì nếu chẳng nhờ nơi Viên giáo thì chẳng biết Viên lý cho đến thành Viên quả.

Hỏi: Bốn giáo phát xuất từ kinh luận nào?

Đáp: Bốn giáo được đề cập rải rác khắp các kinh luận, không nơi nào chẳng nói đến. Như câu “Người học tham trước Tam tạng Tiểu thừa” trong kinh Pháp Hoa dẫn chứng ở trên, rồi luận Thành Thật nói: “Ta chính là muốn nói đến Thật nghĩa trong Tam tạng”, đó chẳng phải là nói đến Tam Tạng giáo ư?

Phẩm Khuyến Học kinh Đạo Phẩm khuyên ba thừa đồng học, Bát-nhã, Trung luận ghi: “Đạt được thật tướng các pháp, có ba loại người”, đó chẳng phải là nói Thông giáo ư?

Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm Hải Không, tuyên thuyết Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành”, luận Đại Trí ghi: “Bát-nhã có hai loại là thuyết chung cho hàng Nhị thừa và chẳng thuyết chung cho hàng Nhị thừa”, các kinh luận nói như thế chẳng phải là Biệt giáo ư?

Kinh Hoa Nghiêm nói Tu-đa-la viên mãn; kinh này nói một niệm biết tất cả pháp thừa thì liền ngồi nơi Đạo tràng; phẩm Cụ Túc trong kinh Đại phẩm ghi: “Một niệm đầy đủ vạn hạnh”, kinh Pháp Hoa ghi: “Chấp tay, khởi tâm cung kính, muốn được nghe đạo đầy đủ”, kinh Niết-bàn ghi: “Đại Niết-bàn này gọi là pháp giới của chư Phật”, luận Đại Trí ghi: “Nói ba trí, kỳ thật chỉ được nơi một tâm.” Các kinh luận ghi như thế, há chẳng phải nói đến Viên giáo ư? Nghĩa này đến văn sau sẽ tự rõ.

Hỏi: Văn nói về bốn giáo đúng là rải rác ở các kinh luận, nhưng chưa thấy kinh luận nào gom lại một nơi để thuyết?

Đáp: Tuy không có đích xác danh mục bốn giáo, nhưng nay căn cứ theo kinh luận Đại thừa mà lập ra danh nghĩa bốn giáo. Như kinh Đại Niết-bàn nói về bốn bất khả thuyết, nhưng vì có nhân duyên nên cùng có thể lập bốn loại khả thuyết để giáo hóa những kẻ có duyên từ trước, đó là bốn giáo. Kinh Đại Niết-bàn nói bốn phen chuyển pháp luân Bốn đế, tức là ý nghĩa của bốn giáo. Kinh Pháp Hoa nói ba loại cỏ hai loại cây đều từ một mặt đất sinh trưởng, tức là ý của bốn giáo. Trung luận phá các Dị chấp, lại nói bốn câu về nhân duyên sinh đồng với bốn khả thuyết của Phật, tức là ý của bốn giáo. Bốn cách nói như thế, tùy cơ làm lợi ích chúng sinh, tức là ý nghĩa của bốn giáo, đều là tên khác của bốn giáo.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa nói: “Đức Phật bình đẳng thuyết pháp, như nước mưa chỉ có một vị, đâu từng ấn định có bốn cách thuyết khác nhau?

Đáp: Ở trên, nơi nơi đều có dẫn bốn điều chẳng thể thuyết, vì có

nhân duyên nên cũng có thể thuyết, vậy còn chưa định là có một thuyết, thì đâu từng định là có bốn giáo? Nhưng vì chúng sinh có bốn căn tánh khác nhau là hạ, trung, thượng và thượng thượng nên dẫn đến cơ cảm có bốn thuyết bốn giáo khác nhau, như kinh Pháp Hoa lập dụ ba loại cỏ, hai loại cây đều từ đất sinh để dụ cho bốn loại căn cơ này. Vì thế kinh này nói: “Phật dùng một âm diễn nói pháp, chúng sinh tùy loại đều hiểu rõ”, tức bốn căn cơ khác nhau, hiểu Phật pháp cũng sai biệt. Nhưng các kinh giải nghĩa khác nhau, hoặc cho là dị thuyết dị giải, hoặc cho nhất thuyết nhất giải, dị giải nhất thuyết, dị thuyết nhất giải, vô thuyết vô giải. Cho nên kinh này ghi: “Người thuyết pháp thì không thuyết không chỉ bày, người nghe pháp không nghe, không chứng đắc.” Nếu đạt được ý này thì bốn giáo nương nơi không mà lập nghĩa, đâu có gì phải nghi ngờ?

Hỏi: Nghĩa của bốn giáo có đồng với nghĩa bốn tông của Địa luận chăng?

Đáp: Nếu có người hỏi bốn để đồng với bốn đại chẳng, thì trả lời thế nào? Đáp rằng: nay chẳng y theo bốn tông lập bốn giáo, có rất nhiều ý, nay chỉ nêu lên ba điều trở ngại: Một là danh nghĩa của bốn Tông, về ngôn luận tựa như ngăn ngại; hai là nghiệm xét kỹ về lập danh tạo nghĩa tựa như có điều không thuận tiện; ba là luận về nghĩa của bốn tông, tuy ngôn luận rộng nhiều, nhưng so với việc từ một nhà mà nhìn đến việc gom nhiếp giáo môn của Phật, thì còn có chỗ thiếu sót.

Danh nghĩa bốn tông về ngôn luận tựa có ngăn ngại, tức kia chẳng y cứ theo bốn bất khả thuyết mà dùng bốn Tát-đàn để luận thuyết thì có ngăn ngại.

Nghiệm xét kỹ về danh nghĩa thì tựa như bất tiện, tức bốn Tông của Địa luận, thì Tỳ-đàm cho rằng thấy Hữu đắc đạo, nên lấy nhân duyên làm tông; tam giả là Thế đế, thấy Thế đế chưa đắc đạo, đâu được lấy giả danh làm Tông, Thành Thật cho rằng thấy không là đắc đạo, đâu chẳng lấy làm tông? Vả lại, luận Đại Trí nói giáo Tam tạng có ba môn đắc đạo, không là môn thứ hai, không có môn giả danh. Luận Đại trí lại chê bai Đạo nhân Phương Quảng chấp thủ mười dụ, nói tất cả pháp chẳng sinh chẳng diệt, mất đi ý nghĩa của Bát-nhã, đâu được lấy huyền hóa làm Bất chân tông. Nay hỏi rằng Bất chân tông là Thông giáo, chân tông là Thông tông, vì Tông thì chung cho chân và bất chân.

Bất chân đâu được bỏ Tông mà dùng giáo? Chân tông vì sao bỏ giáo mà lập tông? Nếu Tông không có giáo thì làm sao biết chân?

Đáp: Kinh Lăng-già ghi: “Thuyết Thông giáo cho hàng Sơ cơ,

thuyết Thông Tông dạy Bồ-tát”, cho nên lấy Chân làm Thông tông.

Hỏi: Nếu thế thì nhân duyên và giả danh chẳng chân, đều là chỉ dạy hàng Sơ cơ, thì chẳng nên lập danh Tông, như thế thì che lấp mất ý quyết định, nghĩa là lập danh bốn tông tựa như bất tiện. Nay nói bốn giáo, tức là Đức Phật từ khi mới thành đạo cho đến đại Niết-bàn, chỉ bày tất cả pháp môn, không gì chẳng phải ngôn giáo.

Bốn Tông luận về nghĩa, nếu so với các thuyết xưa nay thì thật rộng nhiều, nhưng từ một nhà mà nhìn về ý gom nhiếp Phật pháp thì còn thiếu sót; nay xét các kinh luận lập nghĩa bốn giáo, mỗi giáo đều có bốn môn, bốn giáo tổng cộng là mười sáu môn, tức mười sáu tông luận về nghĩa. Hai tông nhân duyên và giả danh kia giống như hai tông Không hữu của Tam Tạng giáo nói ở đây, nhưng còn thiếu Côn lặc môn và Phi hữu Phi không môn. Bất chân tông nói như huyền hóa, tựa như Hữu môn của Thông giáo, còn ba môn thì kia chẳng nói. Chân tông thì tựa như hữu môn của Biệt giáo, còn ba môn kia thì họ chẳng nói. Thế thì bốn tông nói về nghĩa chỉ đồng với bốn môn của ba giáo còn bốn môn của Viên giáo thì họ chẳng nói đến. Bốn giáo còn mười hai môn, thì bốn Tông chẳng nói đến. Lại Pháp sư Hộ Thân lập năm tông nói về nghĩa, bốn tông thì như trước, lại lập thêm Pháp giới, tông tựa như Hữu môn của Viên giáo, vậy bốn giáo còn mười một môn thì chẳng nói đến. Pháp sư Kỳ-xà lập sáu tông nói về nghĩa, trong đó ba tông tựa như ba môn như trên đã phân biệt, chân Tông tương đương với không môn của Thông giáo; Thường Tông tương đương với Hữu môn của Biệt giáo, Viên Thông tương đương với Hữu môn của Viên giáo. Vậy bốn giáo còn mười môn thì sáu tông kia chẳng nói đến. Cho nên biết bốn tông, năm tông, sáu tông tuy xưa nay nói về nghĩa rất rộng nhiều, nhưng nay từ một nhà mà nhìn về ý gom nhiếp giáo môn của Phật thì vẫn còn thiếu sót. Sở dĩ trước nói bốn Tất-đàn, chính là thuật về cách nói của một nhà giải thích của giáo, khác với cách nói mà xưa nay đã vận dụng. Trước nói ba quán, đọc phá các pháp, lược nêu mười phen, kể sau đây nói về việc căn cứ các giáo lập nghĩa mà bốn giáo đã luận bàn, người xem đọc biết được ý lập nghĩa và phá nghĩa khác với các Thiền sư và các Sư tam luận.

Hỏi: Bốn giáo biến thông các kinh thì đâu được riêng dùng để giải thích kinh này?

Đáp: Nay soạn nghĩa bốn giáo thông khắp các kinh nhưng riêng có bản chánh, lược tóm đại ý để giải thích văn kinh này, chính là nói kinh này giải thích về bốn giáo vào đạo, nên cần phải biết đại ý, nhưng

các Sư phần nhiều dùng kinh để giải thích luận, khiến cho người sau cho rằng luận thì rộng kinh thì hẹp; nay dùng luận để giải thích ý kinh là muốn khiến cho người đời sau biết kinh rộng luận hẹp. Kính trọng vô lượng công đức của Đại thừa được chân Phật thuyết là chánh nhân vào đạo, còn nếu khinh kinh trọng luận thì thật đáng thương xót!

* **Nói về Sở thuyên:** Phần giáo là năng thuyên, lý là sở thuyên, nêu nhân nơi lý mà lập giáo, do giáo mà hiển lý, tức lý thì chẳng phải giáo, tức giáo thì chẳng phải lý, lìa lý thì không có giáo, lìa giáo thì không có lý. Cho nên kinh Tư Ích ghi: “Trong Bồ-đề không có văn tự, trong văn tự không có Bồ-đề. Vì lìa Bồ-đề thì không có văn tự, nên y cứ vào lý để lập giáo, lìa văn tự không có Bồ-đề năng lập giáo để hiển lý”, thế thì ý nghĩa giáo là năng thuyên lý là sở thuyên được hiện rõ ở đây.

Lý tức là Đế. Nay căn cứ theo Đế để nói về lý, từ Lý khởi giáo. Giáo hay trình bày lý nên giáo là năng thuyên, lý là Sở thuyên. Sở thuyên gồm bốn nghĩa: Một là căn cứ lý bốn đế để nói về Sở thuyên; hai, căn cứ lý tam đế để nói về Sở thuyên; ba, căn cứ lý Nhị đế để nói về Sở thuyên; bốn, căn cứ lý nhất đế để nói về Sở thuyên.

Căn cứ lý bốn đế để nói về Sở thuyên: gồm ba ý: Một là nói về bốn đế lý Sở thuyên; hai, nói về giáo năng thuyên; ba, y cứ kinh luận.

Lý bốn đế Sở thuyên: bốn đế có bốn loại là sinh diệt bốn đế, vô sinh bốn đế, vô lượng bốn đế và vô tác bốn đế, đại ý xuất xứ từ kinh Niết-bàn.

Giáo năng thuyên: tức là bốn giáo hay giải thích bốn loại lý bốn đế, đó là: Tam Tạng giáo nói về lý bốn đế sinh diệt, Thông giáo nói về lý bốn chân đế vô sinh, Biệt giáo nói về lý bốn đế vô lượng, Viên giáo nói về lý bốn đế vô tác.

Đối kinh luận: gồm hai ý là Đối kinh và đối luận. Một, Đối kinh, nếu kinh Hoa Nghiêm, phần lớn nói về hai giáo Biệt Viên trình bày hai loại bốn đế là vô lượng và vô tác, thì các kinh thuộc Thanh văn chỉ nói về Tam Tạng giáo, trình bày lý bốn đế sinh diệt, còn kinh Đạo tập, Phương đẳng và kinh này thì nói đủ bốn giáo trình bày hết bốn loại lý bốn đế; kinh Ma-ha Bát-nhã, phần nhiều nói đến ba giáo, trình bày ba loại lý bốn đế, kinh Pháp Hoa chỉ nói Viên giáo, trình bày lý vô tác bốn đế; kinh Niết-bàn nói bốn giáo trình bày đủ bốn loại lý bốn đế. Đối luận: Nếu đối với những bộ luận giải thích riêng kinh, thì so sánh với kinh có thể tự biết, nếu những luận giải thích chung các kinh thì như Trung luận, sau khi phá các tranh chấp điên đảo rồi, ngoại đạo bèn hỏi rằng “nếu tất cả thế gian đều không, chẳng có gì, tức không sinh không diệt,

vì không sinh không diệt thì không có bốn đế, bốn quả Sa-môn và Tam bảo. Nếu chấp nhận pháp không, thì phạm lỗi này?” Luận chủ đáp rằng “Người nay thật chẳng biết không tức nhân duyên không, chư Phật y cứ vào Nhị đế để thuyết pháp cho chúng sinh nghe, nếu chẳng biết Nhị đế thì chẳng hiểu được Chân Phật pháp. Vì có nghĩa không nên tất cả pháp được thành lập, nếu chẳng có nghĩa không thì tất cả pháp chẳng thành. Tất cả pháp được thành lập thì có bốn đế, bốn quả Sa-môn và Tam bảo.” Nay giải thích lời này, luận chủ phá kiến chấp đã xong, liền nói có bốn đế, bốn quả Sa-môn và Tam bảo, tức là nêu lên ba loại bốn đế, ba loại bốn quả Sa-môn và ba Tam bảo của giáo Ma-ha-diễn.

Hỏi: Vì sao biết được?

Đáp: Vì căn cứ theo kệ mà luận chủ đã nói nên biết được? Kệ ghi:

*Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là không.*

Hai câu kệ này nói về Đại thừa Thông giáo, trình bày Bốn đế vô sinh, bốn quả Sa-môn và Tam bảo.

Câu: *Cũng gọi là giả danh.*

Là nói về Đại thừa Biệt giáo, trình bày bốn Thánh đế vô lượng, bốn quả Sa-môn và Tam bảo.

Câu: *Cũng là nghĩa Trung đạo.*

Là nói về Đại thừa Viên giáo, trình bày Tứ thật đế vô tác, bốn quả Sa-môn và Tam bảo. Ý phá và trình bày ba giáo Đại thừa chỉ trong một bài kệ, công năng tạo luận kì diệu là tại nơi đây. Sau đó nói hai phẩm, phẩm đầu nói: “Hỏi: Đã biết Ma-ha-diễn vào Đệ nhất nghĩa, nay muốn nghe kinh Thanh Văn vào Đệ nhất nghĩa? Luận chủ bèn nói mười hai nhân duyên sinh diệt, phá sáu mươi hai Kiến vào Đệ nhất nghĩa.” Tức là vì hàng đệ tử Thanh văn độn căn thuyết về tướng nhân duyên sinh diệt, nhân duyên sinh diệt tức sinh diệt Bốn đế, bốn quả Sa-môn và Tam bảo. Trung luận, trước nói về ba loại Bốn đế, ba loại bốn quả Sa-môn, ba loại Tam bảo của ba giáo Thông Biệt Viên thuộc Ma-ha-diễn, hai phẩm sau nói về sinh diệt Bốn đế, bốn quả Sa-môn, Tam bảo của giáo Tam tạng, là vì các chúng sinh vào đời sau, căn cơ dần dần chuyển thành độn, lại cần phải dụng giáo này. Thế thì Trung luận, văn thì sơ lược mà nghĩa rất sâu rộng, trình bày bốn giáo của Phật đã rõ ràng, đối với lý bốn đế cũng đã hiểu, nên nói có bốn đế. Đó chính là bộ luận quý giá, chẳng phải là bộ luận tầm thường; nếu chẳng biết nghĩa này, thì đơn phức đan dệt, chưa thể biết được, còn nếu giải thích bốn giả của

kinh để thông hiểu ý kinh, thì rốt cuộc cũng khó thấy biết.

Căn cứ vào lý Tam đế để nói về Sở thuyên của bốn giáo: gồm ba ý: nói về Tam đế lý Sở thuyên; hai, nói về bốn giáo năng thuyên; ba, căn cứ kinh luận.

Nói về Tam đế lý Sở thuyên: Danh nghĩa của Tam đế xuất xứ từ kinh Anh Lạc và kinh Nhân Vương. Kinh ghi: “Một, Hữu đế; hai, Vô đế; ba, Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế.” Hữu đế, như lý mà tâm của người thế gian thấy được là Hữu đế, cũng gọi là Tục đế. Vô đế, lý mà tâm của người xuất thế gian nhận biết gọi là Vô đế, cũng gọi là Chân đế. Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế, lý mà chư Phật Bồ-tát nhận biết gọi là Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế, cũng gọi là Nhất thật đế. Cho nên kinh Đại Niết-bàn ghi: “Phàm phu chấp hữu, Nhị thừa chấp Vô, chư Phật Bồ-tát thì chẳng có chẳng không.” Nghĩa của Tam đế đến khi giải thích phẩm Nhập Pháp Môn Bất Nhị sẽ lược nêu.

Nói về giáo năng thuyên: gồm bốn ý:

1. Tam Tạng giáo chỉ nói về lý Nhị đế, vì thế những căn cơ thọ nhận giáo này chẳng thể nghe được Phật tánh, thường trụ Niết-bàn.

2. Thông giáo chỉ nói lý Nhị đế, nên căn cơ thọ nhận giáo này cũng chẳng nghe Phật tánh, thường trụ Niết-bàn. Tam thừa còn chấp nơi quả thân diệt trí đoạn.

3. Biệt giáo nói riêng lý Tam đế, cho nên những người thọ nhận giáo này đạt ba mươi tâm, chỉ thành tựu nhị quán nhị trí phương tiện, đến khi đạt Sơ địa mới thấy Phật tánh, vào dòng pháp.

4. Viên giáo nói lý Tam đế một cách viên mãn, cho nên những vị thọ nhận giáo này vừa phát sơ tâm liền khai tri Kiến Phật, tự nhiên lưu nhập biển Tát-bà-nhã.

Đối kinh luận: Kinh Hoa Nghiêm chỉ nói Tục đế giả danh và Trung đạo. Lại nói Giáo Hoa Nghiêm trình bày về biệt tam đế nhất tâm. Tam tạng tiệm giáo nói về Nhị đế Chân tục. Giáo Phương đẳng Đại thừa nói về Tam đế, đồng với Hoa Nghiêm; Ma-ha Bát-nhã cũng nói đầy đủ Tam đế, đồng với Hoa Nghiêm; Pháp Hoa chỉ nói Nhất tâm Tam đế; Niết-bàn nói đầy đủ Tam đế cũng đồng với Hoa Nghiêm. Còn các luận thì tùy thuận so sánh, đối chiếu với kinh, có thể tự biết được. Bài Kệ Trung luận ghi:

“Pháp do nhân duyên sinh

Ta nói đó là không”.

Đó là nói về Chân đế.

“Cũng gọi là giả danh”

Câu này nói về Tục đế.

“Cũng là nghĩa Trung đạo”.

Câu này nói về Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế. Toàn bài kệ này nói về Ma-ha-diễn trình bày lý Tam đế. Còn hai phẩm sau nói về kinh Thanh Văn vào Đệ nhất nghĩa, tức nói riêng về Tam Tạng giáo trình bày lý Nhị đế.

Căn cứ theo Nhị đế để nói về Sở thuyên: Cũng gồm ba ý: Một là nói về lý Sở thuyên; hai, nói về giáo năng thuyên; ba, căn cứ kinh luận.

Nói về lý Sở thuyên, tức là lý Nhị đế: Nhị đế có hai loại là lý ngoại Nhị đế và lý nội Nhị đế. Nếu Chân đế chẳng phải là Phật tánh tức Nhị đế ngoài lý; Chân đế tức Phật tánh là Nhị đế trong lý (lý nội). Lý ngoại Nhị đế lại có hai loại là Bất tức Nhị đế là Sinh diệt Nhị đế, Tương tức Nhị đế là Vô sinh Nhị đế. Kinh Đại Phẩm ghi: “Tức Sắc là không, chẳng phải sắc diệt rồi mới không, sắc diệt mới không là Bất tức Nhị đế, tức Sắc là không là tương tức Nhị đế.” Lý nội Nhị đế cũng có hai loại là Bất tức Nhị đế và Tương tức Nhị đế. Bất tức Nhị đế là Vô lượng Nhị đế; kinh Đại Niết-bàn ghi: “Phân biệt Thế đế có vô lượng tướng, Đệ nhất nghĩa đế có vô lượng tướng đó chẳng phải là điều mà Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.” Tương tức Nhị đế tức Vô tác Nhị đế.

Nói về bốn giáo năng thuyên: Tam Tạng giáo nói về Bất tức Nhị đế của Lý ngoại, Thông giáo nói Tương tức Nhị đế của Lý ngoại, Biệt giáo nói về Bất tức Nhị đế của Lý nội, Viên giáo nói Tương tức Nhị đế của Lý nội.

Đối kinh luận: Kinh Hoa Nghiêm nói hai loại Nhị đế của Lý nội, Tam Tạng giáo nói Nhị đế bất tức của Lý ngoại, Phương đẳng Đại thừa nói bốn loại Nhị đế của lý nội, lý ngoại, Ma-ha Bát-nhã nói về Tương tức Nhị đế của Lý ngoại và hai loại Nhị đế của lý nội, kinh Pháp Hoa chỉ nói Nhị đế tương tức của lý nội, kinh Niết-bàn nói chung về bốn loại Nhị đế của lý nội, lý ngoại. Các luận giải thích kinh thì so sánh đối chiếu với kinh có thể biết. Bài kệ Trung luận ghi: “Pháp do nhân duyên sinh, Ta nói đó là không”, hai câu này nói về Nhị đế tương tức của lý ngoại; “Cũng gọi là giả danh, cũng tức nghĩa Trung đạo” là nói về hai loại Nhị đế Bất tức và tương tức của lý nội. Hai phẩm sau nói về Thanh văn vào Đệ nhất nghĩa, tức nói Tam Tạng giáo trình bày Nhị đế bất tương tức của lý ngoại.

Căn cứ theo lý nhất đế nói về Sở thuyên: gồm ba ý: Một là nói về

lý Sở thuyên; hai, nói về giáo năng thuyên; ba, căn cứ kinh luận.

Nói về lý Sở thuyên: Tức lý Nhất đế. Thế nào gọi là lý Nhất đế? Đế gọi là Thẩm thật (chắc thật), pháp Thẩm thật tức bất nhị, vậy há có ba Đế ư? Hai đế đều gọi là Thẩm thật. Nay nói chân tục là thật, đó chỉ là phương tiện, chưa thật là Đế, nên kinh Niết-bàn ghi: “Nói Nhị đế, thật ra chỉ là một, Như Lai dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh nên nói hai, ví như mặt trời mặt trăng chẳng xoay chuyển, mà người say thấy xoay chuyển. Nên biết chỉ có một mặt trời bất động mà người không say đồng thấy, há có riêng một mặt trời di chuyển ư? Nếu thật có một mặt trời di chuyển thì lẽ ra người không say đồng thấy. Nhất đế như mặt trời chân thật, Nhị đế như mặt trời di chuyển, mặt trời chân thật là thẩm thật đúng gọi là Nhất đế, mặt trời di chuyển chẳng thật thì đâu có Nhị đế, chỉ vì phương tiện mà nói hai, nghĩa thật chẳng thành, nên chẳng phải là đế. Nay lấy Nhất thật đế này làm lý sở thuyên vậy.

Nói về giáo Năng thuyên: Tạng giáo Thông giáo chưa thể làm mưa ra những rượu ác phiền não, chỉ nói mặt trời di chuyển, trình bày Nhị đế, chẳng thể nói Nhất thật đế. Biệt giáo trình bày lý Nhất thật đế, như lia bỏ mặt trời xoay chuyển mà có được mặt trời bất động. Viên giáo trình bày Nhất thật đế, nói mặt trời xoay chuyển tức mặt trời bất động.

Đối kinh luận: Kinh Hoa Nghiêm nói về Chân tục tức Nhất thật đế gồm phương tiện Bất tức. Tam Tạng giáo một bề chẳng nói Nhất thật đế. Giáo Phương đẳng nói về Nhất thật đế đồng Hoa Nghiêm. Ma-ha Bát-nhã nói Nhất thật đế cũng đồng Hoa Nghiêm, nên kinh Vô Lượng Nghĩa ghi: “Đức Phật từ khi thành đạo đến nay hơn bốn mươi năm, chưa từng hiển thị chân thật.” Nay cho rằng đâu chẳng nói Thật đế, nhưng có lúc ứng duyên lập phương tiện khai hai đế, ba đế bất tức nhất đế. Giáo Pháp Hoa ngược lại chỉ nói về Nhất thật đế; không nói phương tiện bất tức, mà chỉ nói nhất thiết tức nhất thật đế. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: “Hai vạn ức Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều thuyết nghĩa thật tướng các pháp, vì các ông mà nói.” Nay Đức Phật phóng quang trợ giúp khai phát nghĩa thật tướng. Đối với các Phật pháp, về lâu dài mai sau cần nên thuyết nghĩa chân thật, xả bỏ phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng. Kinh Niết-bàn đồng giải thích như Phương đẳng, nhưng nói nhập vào Phật tánh thì có khác.

Các luận thì tùy theo kinh mà so sánh có thể tự biết. Như kệ của Trung luận ghi: “Cũng là nghĩa Trung đạo”, câu này là nói về giáo Nhất thật đế. Cho nên Thanh Mục Thích ghi: “Lìa nhị biên nên gọi là Trung

đạo, tức là xa lìa nhân duyên không và giả. Chẳng phải hai bên thì chẳng có chân tục, nên gọi là Nhất thật đế.” Kinh Niết-bàn ghi: “Nhất thật đế thì không hai”. Văn lại ghi: “Tánh không hai tức thật tánh” tánh không hai tức là vào pháp môn bất nhị. Nhất thật đế tức là bất sinh, bất sinh bất sinh, bất sinh bất khả thuyết. Ngài Tịnh Danh im lặng không nói được ngài Văn-thù khen ngợi ý nghĩa tại nơi đây.

* **Căn cứ theo vị của bốn giáo để phân biệt giai vị của Tịnh Vô cấu xưng:** gồm năm ý: Một là căn cứ theo giáo Tam tạng để nói về nghĩa Tịnh Vô cấu xưng; hai, căn cứ theo Thông giáo để nói về nghĩa Tịnh Vô cấu xưng; ba, căn cứ theo Biệt giáo để nói về nghĩa Tịnh vô cấu xưng; bốn, căn cứ theo Viên giáo để nói về nghĩa Tịnh Vô cấu xưng; năm, căn cứ theo thí dụ năm vị để kết luận.

Căn cứ theo giáo Tam tạng nói về giai vị để giải thích nghĩa Tịnh vô cấu xưng: Tam Tạng giáo của Đức Phật ứng duyên có rất nhiều phương tiện nhưng chủ yếu không ra ngoài bốn môn nhập đạo là hữu môn, không môn, hữu không môn và phi hữu phi vô môn. Nay dùng hữu môn của Tỳ-đàm để phán định giai vị còn ba môn nói về nghĩa Bồ-tát đã chẳng đến được há có thể luận sao? Nay căn cứ theo hữu môn để giải thích nghĩa Tịnh Vô cấu xưng, gồm ba ý: Một là khai Tam thừa; hai, lược nói về giáo Tam tạng để luận về giai vị Bồ-tát; ba, giải thích danh từ Tịnh Vô cấu xưng.

Một lược nói về việc khai ba thừa: Đức Phật đối với lý sinh sinh bất khả thuyết chẳng phải ba, dùng bốn Tất-đàn, căn cứ theo Khổ Tập Đạo để khai mở giáo môn ba thừa, ứng hợp căn duyên của ba hạng người tu hành mà đồng khiến cho họ chứng đắc Diệt đế Niết-bàn. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: “Vì người cầu đạo Thanh văn, mà thuyết pháp Bốn đế, vượt sinh, lão, bệnh, tử đạt đến cứu cánh Niết-bàn. Vì người cầu Bích-chi-Phật mà thuyết pháp mười hai nhân duyên, vì người cầu Bồ-tát mà thuyết pháp Lục độ Ba-la-mật khiến đạt được Tam-bồ-đề thành tựu Nhất thiết chủng trí. Giáo môn của Thanh văn Tiểu thừa, thì Khổ đế là sơ quán của Bốn đế để vào đạo, phát Chân vô lậu, đoạn trừ chánh sử chứng đắc quả vị A-la-hán, đầy đủ ba minh tám giải thoát, nhưng không có Từ bi cứu độ chúng sinh mà hiện thân vào Niết-bàn, cho nên luận Trí Độ ghi: “Như con nai giữa đám người thợ săn, sợ hãi một mình bỏ chạy mà không ngó gì đến bầy đàn. Nay chẳng y cứ theo đó mà phán định giai vị của Tịnh Danh. Giáo môn của Duyên giác Trung thừa lấy Tập đế làm pháp quán đầu tiên để quán mười hai nhân duyên, phát chân Vô lậu, đoạn trừ kết hoặc trong ba cõi, dần dần đoạn

trừ tập khí đầy đủ ba minh và tám giải thoát, tuy có được chút ít từ bi, nhưng chẳng thể độ chúng sinh, cũng ở một đời mà nhập Niết-bàn. Cho nên luận Trí Độ ghi: “Như con nai giữa đám người thợ săn, kinh hãi một mình bỏ chạy, tuy có nhìn lại bầy đàn nhưng vì quá kinh hãi nên không chờ đợi”. Nay cũng không căn cứ theo đây để phán định giai vị của ngài Tịnh Danh. Bạc Bồ-tát Đại thừa có tâm đại bi, thệ nguyện rộng lớn, chẳng bỏ chúng sinh, làm đại giáo môn của chúng sinh tâm, dùng Đạo để làm môn tu đầu tiên để hành lục độ, giáo hóa tất cả chúng sinh đồng ra khỏi ba cõi, thành tựu quả Phật, việc lợi ích chúng sinh viên mãn thì mới vào Niết-bàn. Cho nên luận Đại Trí ghi: “Như loài Đại hương tượng ở giữa đám thợ săn, tuy bị đao tên nhưng vẫn cứu giúp bầy đàn cùng vượt ra khỏi.” Đây là bảo hoài của bậc Đại sĩ, cho nên cần phải căn cứ theo đây để phán định giai vị của ngài Tịnh Danh.

Hai, căn cứ vào Tam Tạng giáo để nói về giai vị Bồ-tát: gồm bảy ý: Một là phát tâm Bồ-đề; hai, hành đạo Bồ-tát; ba, gieo trồng nghiệp ba mươi hai tướng; bốn, thành tựu sáu độ; năm; Nhất sinh bổ xứ; sáu, sinh vào trời Đâu-suất-đà; bảy, hiện tám tướng thành đạo. Một, phát tâm Bồ-đề: như Bồ-tát Thích-ca Mâu-ni vào thời quá khứ là một người thợ góm, Bồ-tát gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thời quá khứ liền cúng dường Đức Phật và phát tâm Bồ-đề, nguyện đến thời vị lai, khi thành Phật cũng có hiệu là Thích-ca, bây giờ Đức Phật liền hứa khả lời nguyện ấy.”

Hỏi: Vì sao gọi là phát tâm Bồ-đề?

Đáp: Duyên với bốn đế sinh diệt mà khởi bốn hoằng nguyện Từ bi tức là phát tâm Bồ-đề. Hai, hành Bồ-tát hạnh: Tức ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành sáu độ. Từ Đức Thích-ca Mâu-ni quá khứ đến Kế-na Thi-khí Phật là một a-tăng-kỳ kiếp, vào a-tăng-kỳ này mới lìa thân nữ, chưa biết được mình sẽ làm Phật hay chẳng làm Phật. Nay cho rằng dùng năm đỉnh tâm quán và Biệt tướng tổng tướng của bốn Niệm xứ, quán tâm tu hành sáu Ba-la-mật. Bây giờ chưa phát noãn giải mà có từ bi thệ nguyện, ở yên nơi sinh tử, tâm không khiếp nhược, nên phá được nghiệp người nữ, thường thọ thân nam. Vì lúc ấy chưa phát khởi Noãn giải, giai vị còn ở ngoại phàm, cho nên chưa tự biết mình sẽ làm Phật.

Hai từ Đức Phật Kế-na Thi-khí đến Đức Phật Nhiên Đăng là a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, bây giờ Bồ-tát cúng dường Đức Phật Nhiên Đăng bảy đóa hoa sen, trải y da nai, xỏa tóc trên bùn, lúc ấy Đức Phật Nhiên Đăng liền thọ ký rằng: “Đời sau ngươi sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca.” Bây giờ Bồ-tát tự biết mình sẽ làm Phật, mà chưa tự nói ta sẽ làm Phật.

Nay nói rằng đã được trí tuệ pháp Noãn, tu sáu Ba-la-mật. Kế đến từ Đức Phật Nhiên Đăng đến Đức Phật Tỳ-bà-thi là a-tăng-kỳ kiếp thứ ba, bấy giờ nội tâm của Bồ-tát rõ biết mình sẽ làm Phật, miệng nói ra mà chẳng sợ hãi: “Ta sẽ làm Phật ở đời vị lai.” Nay cho rằng đã được trí tuệ của pháp Đảnh, tu sáu Ba-la-mật.

Ba, nói về việc trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, gieo trồng nghiệp ba mươi hai tướng: Đây là vào giai vị Hạ nhẫn, dùng trí nhẫn này mà tu tập sáu độ thành tựu một trăm phước đức, dùng một trăm phước đức để thành tựu một tướng, như thế tu một trăm kiếp thành tựu nghiệp nhân của ba mươi hai tướng.

Bốn viên mãn sáu Ba-la-mật: Bồ-tát bố thí tất cả cho đến chẳng tiếc thân mạng, như vua Thi-tỳ bố thí thân mình cho loài chim bồ câu mà tâm chẳng hối tiếc, đó là viên mãn Đản ba-la-mật; Thi-ba-la-mật mãn tức trì giới chẳng tiếc thân mạng, như vua Tu-ma-đề tinh tấn trì giới, luôn y theo lời chân thật, đến nơi vua Lộc Túc mà chịu chết, đó là viên mãn Thi-la; Bồ-tát nhẫn nhục chẳng tiếc thân mạng, như Tỳ-kheo Sần-đề bị vua Ca-lợi cắt đoạn thân thể mà tâm lại sinh lòng từ nhẫn, phát thệ nguyện, thân liền trở lại như cũ, đó là viên mãn Sần-đề ba-la-mật. Tinh tấn chẳng tiếc thân mạng, như Thái tử Đại Thí, vì dân chúng mà vào biển tìm châu như ý, thân biến nhân Thái tử ngủ, trộm lấy châu đem trở về biển, Thái tử phát thệ tháo hết nước biển tìm châu cho chúng sinh, khổn khổ, mất thân mà tâm chẳng lui sụt, đó là viên mãn Tinh tấn ba-la-mật; Bồ-tát đầy đủ các thiền định, ra vào tự tại đối với các thiền định của ngoại đạo, như Tiên nhân Thượng-xà-lê khi tọa thiền không còn hơi thở ra vào, chim đến sinh trứng nở con trên búi tóc, nhưng vì lòng Từ bi mà không làm động, cho đến khi chim con bay đi, đó là viên mãn Thiền định ba-la-mật; Bồ-tát dùng đại tâm phân biệt, như Bà-la-môn Cù-tần là một Đại thần, đã phân đất đai ở cõi Diêm-phù làm bảy phần, bao nhiêu thành lớn thành nhỏ, xóm làng cũng phân làm bảy phần, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế, đó là Bồ-tát tu tập viên mãn sáu Ba-la-mật. Nay cho rằng do trí tuệ hạ nhẫn hay điều phục được các căn mà đầy đủ sáu độ.

Năm, trụ ở giai vị Nhất sinh bổ xứ: Tức Bồ-tát Thích-ca sinh làm vị đệ tử bổ xứ của Đức Phật Ca-diếp, thanh tịnh giữ gìn giới cấm, tu tập các công đức, được Đức Phật Ca-diếp thọ ký thành Phật kế tiếp. Đến đây còn ở giai vị Trung nhẫn.

Sáu, sinh vào cõi trời Đâu-suất. Tức xả bỏ báo thân ở Diêm-phù, sinh lên cõi Đâu-suất làm thầy chư Thiên, ở nơi đây tu tập tám Thắng

xứ. Đến đây cũng còn ở giai vị Trung nhẫn.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát lúc mới phát tâm chỉ chế phục các kết sử mà không đoạn?

Đáp: Nếu đoạn trừ kết sử thì chẳng thể thọ sinh giáo hóa hữu tình. Bồ-tát quán Vô thường chế phục kết sử, khiến các phiền não tiêu trừ, lại dùng tâm thanh tịnh tu sáu Độ, làm cho các công đức tăng trưởng.

Bảy, hạ sinh thành đạo: Tức là tám tướng thành đạo Bồ-đề mà giáo Tam tạng đã nói: Một là từ cõi Đâu-suất hạ sinh; hai, gá thai; ba, sinh ra; bốn, xuất gia; năm, hàng ma; sáu, thành đạo; bảy, chuyển pháp luân; tám, nhập Niết-bàn.

Hỏi: Nghĩa Bồ-tát mà hữu môn A-tỳ-đàm của Tam Tạng giáo nói là Phật thuyết hay các đệ tử Thanh văn thuyết sau khi Phật diệt độ?

Đáp: Cũng có lúc Phật thuyết, nhưng phần nhiều là các A-la-hán tạo Tỳ-bà-sa thuyết.

Hỏi: Nếu là Phật thuyết, thì đáng tin, nếu là A-la-hán thuyết thì làm sao có thể tin?

Đáp: Các A-la-hán đã là Thánh nhân tham cứu ý của Tam Tạng giáo mà nói về nghĩa Bồ-tát thì đâu được cho là sai trái!

Hỏi: Thế thì vì sao luận Trí Độ, trước sau đều một bề bác phá?

Đáp: Vì ngài Long Thọ muốn trình bày nghĩa Bồ-tát của Ma-ha-diễn, dùng Đại phá Tiểu, nên đều phải phá bỏ tất cả.

Hỏi: Ngài Long Thọ chê rằng: “Vị đệ tử Ca-chiên-diên này có thể lầm lẫn đối với kinh Tiểu thừa, huống là nghĩa Bồ-tát!

Đáp: Ngài Xá-lợi-phất! Khi Đức Phật còn tại thế mà phân biệt pháp tướng còn có chỗ sai hướng gì là các A-la-hán sau thời Đức Phật diệt độ. Tuy gần gũi một bên, mà còn sai hướng gì là phạm phu đời nay.

Ba, căn cứ theo Tam Tạng giáo nói giai vị để giải thích nghĩa Tịnh Vô cấu xưng: Đây chính là giai vị Bồ xứ của Trung nhẫn. Sáu độ là nghĩa của Tịnh. Vì sao? Vì trong ba loại thuốc không có ba loại bệnh, sáu độ là Đạo đế là nghĩa của Tịnh, cho nên kinh Pháp Hoa ghi: “Thấy các Phật tử tu các hạnh cầu tuệ vô thượng, nên vì họ mà thuyết Đạo tịnh.” Đạo sĩ Duy-ma tu tập hạnh sáu độ thành tựu tức là Tịnh, không còn sáu tỳ cấu, nên gọi là Vô cấu. Vì Tương tự giải, bên trong thì xứng hợp với lý Bốn đế sinh diệt, bên ngoài thì hợp với căn duyên, trợ giúp Thích-ca Như Lai hiển thị giáo Tam thừa, nên gọi là Vô cấu xưng. Vì thế nơi phẩm phương tiện nói việc hiện bệnh, vì các quốc vương, trưởng giả mà thuyết các pháp vô thường, Khổ, không, Vô ngã, bất tịnh, quả trách đại

chúng, khuyên cầu Phật đạo, ý nghĩa hiển nơi đây.

Hỏi: Ngài Duy-ma bẻ gãy luận nghị của Thanh văn, quả trách các Bồ-tát, đó là hạnh vị Bất tư nghị, vì sao còn dùng giai vị Bồ-tát nói trong kinh Thanh Văn để so sánh?

Đáp: Bồ-tát trụ nơi giải thoát bất tư nghị có thể thị hiện các loại, há chẳng thể hiện thân Bồ-tát nói trong kinh Thanh Văn để trợ giúp Đức Thích-ca giáo hóa ư?

Hỏi: Vì sao giáo hóa Quốc vương và Trưởng giả lại hiện thân Bồ-tát Tam Tạng giáo để thuyết pháp? Còn quả trách Thanh văn và Bồ-tát lại hiện ngôn giáo Ma-ha-diễn bất tư nghị?

Đáp: Hàng phàm tục thì kết nghiệp ba cõi chưa trừ, nếu nói bốn đế sinh diệt, đây chính là đối trị; La-hán và Bồ-tát thì nhân kết nghiệp trong ba cõi đã tận trừ, nhưng còn mê mờ lý Tam đế chẳng thể nghĩ bàn, vì thế nói ba loại Bốn đế để chiết phục Thanh văn, nói bốn thật đế, vô tác để quả trách Bồ-tát.

Căn cứ theo Thông giáo luận về giai vị để giải thích giai vị của ngài Tịnh Danh: Giáo này đã nói về lý nhân duyên tức không; ba thừa đồng được khế lý chứng chân ắt phải có sâu cạn, nên cần phải phân định giai vị. Gồm có ba ý: Một là lược căn cứ Thông giáo để khai ba thừa; hai, lược nói về giai vị Bồ-tát Thông giáo; ba, giải thích nghĩa Tịnh Vô cấu xưng.

Thứ nhất, căn cứ theo Thông giáo để khai ba thừa: Hàng Tam thừa thọ học Thông giáo thấy Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa tức lý chân đế vô phân biệt mà phân biệt thành ba thừa là vì Thanh văn từ âm thanh mà giải ngộ, từ Tổng tướng thể hội giả mà vào không, sức trí tuệ yếu kém, chỉ có thể đoạn trừ chánh sử. Duyên giác có phước đức và lợi căn, sinh vào thời không gặp Phật xuất thế, tự nhiên Thể hội giả phát chân là khác biệt. Lại giải thích rằng “Hàng Duyên giác lợi căn có thể từ một phần nhỏ Biệt tướng mà thể hội được giả vào không, phát chân vô lậu đoạn trừ kết hoặc trong ba cõi, dần dần trừ diệt tập khí. Bồ-tát tu tổng tướng biệt tướng, trí tuệ thể hội nhân duyên tức không, phát khởi lòng đại Bi, thệ nguyện tu các pháp môn, thấy Đệ nhất nghĩa, đoạn trừ phiền não trong ba cõi, dùng thệ nguyện phụ trợ tập khí tàn dư để được sinh vào ba cõi, du hý thần thông, thành tựu cho chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Cho nên Trung luận ghi: “Chư Phật dùng vị cam lộ giáo hóa chúng sinh.” Thật tướng các pháp là vị Chân cam lộ. Nếu được thật tướng các pháp, diệt trừ phiền não gọi là Thanh văn thừa, nếu sinh đại bi phát tâm Vô thượng thì gọi là Đại thừa. Nếu sau khi Phật diệt độ, gặp

thời không có Phật, nhân nơi xa lìa mà sinh trí tuệ thì gọi là Bích-chi-Phật thừa.

Nói về giai vị của ba thừa thuộc Thông giáo: gồm hai ý: Một là nói về ba thừa cộng Thập địa; hai, phân biệt về tên thì khác vị thì đồng. Một, nói về ba thừa đồng tu mười địa, lại gồm hai ý: Một là nêu tên; hai, giải thích. Nêu tên: Một là Càn tuệ địa; hai, Tánh địa; ba, Bát nhân địa; bốn, Kiến địa; năm, Bạc địa; sáu, Ly dục địa; bảy, Dĩ biện địa; tám, Bích-chi-Phật địa; chín, Bồ-tát địa; mười, Phật địa. Kinh Đại Phẩm ghi: “Bồ-tát từ Càn tuệ địa đầu tiên cho đến Bồ-tát địa, đều tu hành đều học tập mà chẳng thủ chứng, Phật địa cũng tu học, cũng chứng ngộ.” Cho nên nói là vị chung của ba thừa. Lược giải thích: Càn tuệ địa, giai vị sơ phát tâm của ba thừa đều gọi là Càn tuệ địa. Đây là giai vị Tam hiền tức; Ngũ đình tâm, Biệt tướng niệm xứ và Tổng tướng niệm xứ; cả ba gọi chung là ngoại phạm, tức Càn tuệ địa.

Hỏi: Nếu thế có khác gì với Tam hiền mà Tạng giáo đã nói ở trước?

Đáp: Nói chung thì đồng, như ba quán đã phân biệt xảo độ và chuyết độ ở trước thì đâu được nói là khác!

Hỏi: Tam thừa đồng quán Đệ nhất nghĩa để lẽ ra cũng đồng phá tám đảo, đồng thấy Phật tánh, vì sao nói Thông giáo nhập nhị Niết-bàn?

Đáp: Phá tám đảo là lời nói chung, nếu phân biệt thì gồm có bốn loại khác nhau: Một là phá tám đảo chẳng kết thành khô và tươi, tức chưa thể phân định Thông, Biệt, Viên; hai, phá tám đảo kết thành bốn khô, phần nhiều thành Thông giáo; ba, phá tám đảo kết thành bốn tươi, quyết định thành Biệt giáo; bốn, phá tám đảo kết thành khô và tươi, tức thành Viên giáo. Nay nói phá tám đảo, là dùng nghĩa ngài Tịnh Danh quở trách ngài Ca-chiên-diên, phá năm nghĩa của Tam tạng, thuyết năm nghĩa của Ma-ha-diễn, tức kết thành bốn khô, nên tâm các Tỳ-kheo kia được giải thoát, tất cả đều là ý của Thông giáo.

Tánh địa, nếu nhân nơi Tổng tướng niệm xứ, đầu tiên phát khởi năm ấm Thiệt hữu lậu thì gọi là Noãn pháp, tăng tiến vào Sơ, trung, hậu tâm là vào Đảnh pháp, nhẫn pháp và thế đệ nhất pháp, đều gọi là Tánh địa thuộc nội phạm, chế phục Kiến hoặc của ba cõi.

Bát nhân địa, tức là hai hạng Tín và Pháp của ba thừa khéo quán mà phát chân thật nơi vô gián Tam-muội, là giai vị Bát nhẫn trong mười lăm tâm.

Kiến địa, tức ba thừa đồng thấy lý Bốn đế vô sinh Đệ nhất nghĩa,

đồng đoạn Kiến hoặc, ba kết và tám mươi tám sử.

Bạc địa, thể hội được ái giả tức chân liền phát sinh sáu phẩm vô ngại, đoạn sáu phẩm của Dục giới, chứng đắc sáu giải thoát; phiền não ở cõi Dục cạn mỏng.

Ly dục địa, hàng Tam thừa thể hội ái giả tức chân, đoạn tận năm phần hạ kết sử của cõi Dục, lia phiền não ở cõi Dục.

Dĩ biện địa, người Tam thừa thể hội ái của cõi sắc Vô sắc tức chân, phát chân vô lậu, đoạn trừ bảy mươi hai phẩm hoặc của năm phần thượng kết sử, đoạn rốt ráo các hoặc của ba cõi, nên gọi là Dĩ biện địa. Bích-chi-Phật, hàng Duyên giác và Bồ-tát phát khởi chân vô lậu, sức công đức rất lớn, nên có thể dần dần đoạn trừ tập Khí.

Bồ-tát địa, từ không vào giả, quán hạnh đã thuần thực, đạo và quán đồng hành, quán sâu Nhị đế, tiến đến đoạn trừ tập Khí và sắc tâm vô tri, được pháp nhãn đạo chủng trí, du hý thần thông, làm thanh tịnh cõi Phật, học tất cả các Phật pháp như mười lực Phật, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi, sắp sửa diệt tận tất cả tập khí.

Phật địa, sức công đức to lớn giúp đỡ cho trí tuệ, đạt đến một niệm tuệ tương ứng, chiếu soi cùng tận chân tục, tất cả tập Khí của ba cõi đều trừ sạch. Nên luận Trí Độ ghi: “Sức trí tuệ của Thanh văn yếu kém giống như lửa nhỏ đốt cây, tuy cây đã cháy nhưng vẫn còn than; sức trí tuệ của Duyên giác mạnh hơn, như lửa lớn đốt cây, cây cháy, than cũng hết chỉ còn lại tro. Sắc trí tuệ của chư Phật mạnh như lửa của kiếp thiêu, đốt cháy tất cả, than tro chẳng còn, cũng như thí dụ ba con thú là thỏ, ngựa, voi qua sông.”

Hỏi: Bồ-tát địa và Phật địa, tên khác với Nhị thừa, vì sao lại nói là chung?

Đáp: Tên tuy có khác nhưng đồng là bậc Ứng cúng vô học, được hai Niết-bàn đồng trở về thân đoạn trí diệt, chứng quả là một, danh nghĩa cũng chẳng khác, thế thì danh nghĩa rốt ráo đều đồng nhau.

Phân biệt tên khác, vị đồng: gồm hai ý: Một là y cứ vào Bồ-tát Tam thừa cộng Thập địa đã nói ở trước để lập riêng danh từ Nhẫn; hai, dùng danh biệt nghĩa thông của Biệt giáo.

Một, căn cứ theo ba thừa cộng mười địa vì Bồ-tát mà lập riêng tên Nhẫn: Luận Đại Trí ghi: “Cần tuệ địa, đối với pháp Bồ-tát gọi là Phục nhẫn; tánh địa đối với pháp Bồ-tát gọi là Thuận nhẫn; Bát nhân địa đối với pháp Bồ-tát gọi là Vô sinh pháp danh; Kiến địa đối với Bồ-tát gọi là Vô sinh pháp quả; Bạc địa đối với pháp Bồ-tát gọi là Ly dục thanh tịnh; Ly dục địa đối với pháp Bồ-tát gọi là Du hý thần thông. Dĩ biện địa đối

với kinh Thanh Văn gọi là Phật địa; Bích-chi-Phật địa cho đến Phật địa thì như trước đã phân biệt.

Hỏi: Vì sao trong pháp Bồ-tát lại lập riêng các tên như phục nhãn...?

Đáp: Vì lý quán tuy đồng mà phương tiện tu hành, hóa tha cầu quả Phật khác nhau, nên trong pháp Bồ-tát lập các tên riêng như phục nhãn... Phân biệt về tướng đã nói đủ ở đại bản của Tứ giáo.

Hai, Dùng danh biệt nghĩa thông của Biệt giáo: Tức ba thừa đồng quán lý Đệ nhất nghĩa đế, Bồ-tát dùng tên Thập tín, ba mươi tâm, và Thập địa để luận về giai vị. Cần tuệ địa phục nhãn lập tên Thập tín; Tánh địa nhu thuận nhãn lập các tên Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng; Bát nhân địa, Kiến địa được Vô sinh nhãn, lập tên Hoan hỷ địa. Nên kinh Đại Phẩm ghi: “Tu-đà-hàm trí đoạn là Bồ-tát Vô sinh pháp nhãn”; Bạc địa hưởng quả, hưởng tức ly cấu địa, quả tức Minh địa, nên kinh Đại Phẩm ghi: “Tư-đà-hoàn trí đoạn là Bồ-tát Vô sinh pháp nhãn”; A-na-hàm Địa hưởng quả; hưởng tức là Diêm địa, quả tức Nan thắng địa, nên kinh Đại Phẩm ghi: “A-na-hàm trí đoạn là Bồ-tát Vô sinh pháp nhãn.” A-la-hán địa hưởng quả, hưởng là Hiện tiền địa, quả là Viễn hành địa, nên kinh Đại Phẩm nói: “A-la-hán trí đoạn là Bồ-tát Vô sinh pháp nhãn.” Bích-chi-Phật địa tức Bồ-tát Bất động địa thứ tám, dần dần dứt trừ tập khí, nên kinh Đại Phẩm ghi: “Bích-chi-Phật trí đoạn là Bồ-tát Vô sinh pháp nhãn”; Bồ-tát địa tức Thiện tuệ địa thứ chín, Pháp vân địa thứ mười, biết như Phật; Phật địa thì như trước đã nói, khi ngồi đạo tràng, được một niệm tuệ tương ưng đoạn trừ tất cả tập Khí, đó là tập Khí phiền não chướng, pháp chướng; khi hóa độ những chúng sinh có duyên đã xong liền vào vô dư Niết-bàn, như củi hết lửa tắt. Về tám tướng thành đạo thì như trước đã nói, thế thì dùng tên của Biệt giáo để luận về giai vị, thì tên khác mà nghĩa lại đồng, còn thuộc về Thông giáo nói về giai vị Bồ-tát.

Hỏi: Từ Sơ địa đến Thất địa phối hợp với bốn quả là xuất xứ từ kinh nào?

Đáp: Các kinh luận chẳng phải không phối hợp, nhưng có cao thấp khác nhau. Xưa nay các Pháp sư phối hợp cũng rất khác nhau. Vì sao? Hoặc cho rằng Kiến địa chỉ phối với Sơ địa, như ở đây đã sử dụng, hoặc cho cả ba địa phối với Kiến địa kinh Nhân Vương dùng bốn địa phối với kiến địa, như thế thật khó có thể định được. Nhưng Kiến địa của Thông giáo vốn là Vô gián đoạn, chẳng vượt ra ngoài quán chứng Tu-đà-hoàn, há có thể từ Sơ địa đoạn Kiến cho đến Tam địa hoặc Tứ

địa ư? Như Biệt giáo nói về đoạn hoặc chẳng như Nhị thừa, như thế mà nói về nghĩa thì hoặc giả cũng sẽ có. Hoặc cho rằng địa thứ sáu đoạn kết đồng với A-la-hán, hoặc nói địa thứ bảy gọi là A-la-hán những lời này khó mà ấn định. Hai quả trước sau, kinh luận nói về nghĩa đã chẳng định, hai quả ở giữa thì theo ý có thể biết, đã chẳng thể y cứ được. Nay dùng nghĩa để suy, lập cách phối hợp các vị này, tuy được ít thuận tiện, nhưng rốt cuộc chẳng thể chấp trước.

* Ba, căn cứ theo Thông giáo nói về vị để giải thích nghĩa Tịnh Vô cấu xưng: giai vị của Đại sĩ là Bồ xứ; lý tánh chân đế tự sáng tỏ gọi là Tịnh. Chánh hoặc của hai chương ở ba cõi đã tận trừ, tập khí cạn mỏng, nên gọi là Vô cấu; về trí tuệ, bên trong thì tương ứng với chân đế, bên ngoài thì xứng hợp với căn tánh của ba thừa, thần thông thuyết pháp, nên gọi là Xưng. Thế thì lược biện theo Thông giáo, Đại sĩ có tên là Tịnh Vô cấu xưng. Sở dĩ cần thị hiện hình Bồ-tát này, là vì dùng thân và tiếng này để gá bệnh, vì quốc vương, trưởng giả nói về pháp như mộng huyễn, khuyên bảo cầu Bồ-đề, phá Tam thừa của Tam Tạng giáo cố chấp sai lầm về chuyết độ. Như chú Duy-ma-cật kinh, ngài La-thập, Đạo Sinh, Tăng Triệu đều dùng ý này, còn các đạo Pháp sư đời Lương, Trần giảng kinh văn này, phán định giai vị Bồ-tát, lập ý có chút ít khác nhau nhưng nay nhìn lại thấy đều là dùng ý của Thông giáo để giải thích kinh này.

- Căn cứ theo Biệt giáo nói về vị để giải thích nghĩa Vô cấu xưng: Giáo này nói chung về lý giả danh Như Lai tạng Phật tánh. Bồ-tát thọ học giáo này tu hành được chứng ngộ, vì từ cạn đến sâu, nên phải nói về giai vị. Việc vào đạo của Biệt giáo này cũng có bốn môn. Nay căn cứ theo môn không hữu để nói về hành vị. Như kinh Đại Niết-bàn ghi: “Đệ nhất nghĩa không gọi là Phật tánh, người trí thấy được không và chẳng không, Thanh văn, Bích-chi-Phật chỉ thấy không, chẳng thấy được chẳng không. Chẳng không tức Phật tánh.” Ở đây có ba ý khác nhau: Một là nói về kinh luận bàn về Biệt giáo bất đồng; hai, lược nói về giai vị của Biệt giáo; ba, căn cứ theo Biệt giáo để giải thích nghĩa Tịnh Vô cấu xưng.

* Một Kinh luận nói về giai vị Bồ-tát Biệt giáo bất đồng: Biệt giáo nói về lý nhân duyên giả danh hằng sa Phật pháp, chân như Phật tánh. Bồ-tát tu học giáo này quán lý ba đế, trải qua nhiều kiếp tu hành, đoạn hằng sa vô tri, biệt Kiến tư hoặc, muốn thấy Phật tánh, cầu Niết-bàn bốn đức thường trụ. Nay nói giai vị của Biệt giáo khác nhau, gồm ba ý: Một là, các kinh nói số giai vị khác nhau; hai, Đoạn, phục cao

thấp khác nhau; ba, đối pháp môn bất đồng. Một, các kinh nói số giai vị khác nhau. Kinh Hoa Nghiêm nêu bốn mươi một giai vị là ba mươi tâm, mười Địa và Phật địa; kinh Anh Lạc nêu năm mươi hai giai vị; kinh Nhân Vương năm mươi một giai vị, bản dịch mới kinh Kim Quang Minh Thắng Thiên Vương Bát-nhã và kinh Đại Phẩm chỉ nêu Thập địa và Phật địa mà chẳng nêu ba mươi tâm; kinh Đại Niết-bàn nói về nghĩa năm hạnh mười công đức, suy ra lập ba mươi tâm và mười Địa. Các luận nói về giai vị, nhiều ít cũng có khác nhau, tất cả đều y cứ vào kinh nên có như thế. Hai, nói về phục đoạn cao thấp khác nhau: ba mươi tâm đoạn kết hoặc trong ba cõi có cao thấp khác nhau, mười địa đoạn kiến tư hoặc ở ngoài ba cõi đối với giai vị có khác, tất cả đều nói đủ ở Đại bản của Tứ giáo; ba, nói về pháp môn khác nhau, như kinh Hoa Nghiêm dùng mười Ba-la-mật phối với mười hạnh, kinh Kim Quang Minh bản tân dịch dùng mười Ba-la-mật phối với mười Địa. Như thế các kinh căn cứ theo vị hợp với các pháp môn có nhiều chỗ khác nhau.

Hỏi: Vì sao Biệt giáo nói về giai vị, các kinh nêu số lượng giai vị và phối với các pháp môn đều khác nhau?

Đáp: Biệt giáo y cứ vào ngoài ba cõi mà luận về giai vị Thập địa thực hành đoạn phục, đối với các pháp môn, Tất-đàn phương tiện đều tùy cơ tiếp dẫn, vì thế phần nhiều chẳng quyết định.

* Hai lược nói về giai vị Bồ-tát Biệt giáo: nay căn cứ theo kinh Anh Lạc mà nêu ra bảy loại giai vị: Một là Thập tín; hai, Thập trụ; ba, Thập hạnh; bốn, Thập hồi hương; năm, Thập địa; sáu, Đẳng giác địa; bảy, Diệu giác địa.

Thập tín, về ý nghĩa đã giải thích đủ ở Đại bản. Nay nói Bồ-tát Biệt giáo tin nhân duyên, Phật tánh, thường trụ Tam bảo, biết Bốn đế Vô lượng và Bốn đế vô tác, khởi từ bi, lập bốn nguyện rộng lớn; Thiên ma, ngoại đạo và Nhị thừa chẳng thể ngăn trở, nên gọi là Tín tâm. Nếu đối chiếu với năm hạnh nói trong kinh Niết-bàn thì đó là giới Thánh hạnh, Định thánh hạnh, tu sinh diệt Bốn đế phát tuệ Thánh hạnh, chế phục Kiến tư hoặc ở ba cõi. Đó là giai vị Thập tín tâm.

Hỏi: Bồ-tát Biệt giáo đã duyên với Bốn đế Vô lượng Vô tác mà phát tâm Bồ-đề, vì sao phải tu tập pháp quán Bốn đế sinh diệt?

Đáp: Bồ-tát Biệt giáo, khi Sơ phát tâm, tuy đã tin lý Bốn đế vô lượng, vô tác, nhưng phiền não chướng của ba cõi rất sâu nặng, ắt cần phải đoạn trừ hoặc chướng này trước, nên đầu tiên tu sinh diệt Bốn đế để điều tâm.

Thập trụ, tức vị Thập giải tập chủng tánh. Nhập lý Bát-nhã gọi là

trụ; nhập lý tức là vào thẳng thiên Chân tựa như vào lý viên Chân. Nếu nhìn từ kinh Niết-bàn, thì đó chính là tu pháp quán Bốn đế vô sinh. Nay nói giai vị Thập trụ này đều là tu pháp quán Thế giả vào không phát sinh tuệ thiên chân, đoạn kiến tư trong ba cõi được tuệ nhãn Nhất thiết trí, phát sinh kiến giải tương tự Trung đạo, đó là giai vị Noãn pháp của Biệt giáo.

Thập hạnh, tức hàng Tánh chủng tánh. Trước nói Thập trụ đã nhập lý, nay từ lý khởi hạnh, tu học mười Ba-la-mật, nên gọi là Thập hạnh. Nếu nhìn từ kinh Niết-bàn thì đó là tu pháp quán Vô lượng Bốn đế. Nay nói Thập hạnh tu theo pháp quán từ không vào giả, đoạn hàng sa vô tri, được pháp nhãn đạo chủng trí, Chánh sử của ba cõi tận trừ, Kiến giải tương tựa Trung đạo dần dần sáng tỏ, đó là vị Đảnh pháp của Biệt giáo.

Thập hồi hương, tức hàng Đạo chủng tánh. Vì tâm hạnh giải hợp với Hồi nhân hương quả, thuận nhập pháp giới, nên gọi là hồi hương. Nếu nhìn từ kinh Đại Niết-bàn, tức là tu pháp quán Bốn đế vô tác. Nay nói Bồ-tát này tu Chánh quán Trung đạo. Kiến giải tương tự Trung đạo cần sáng tỏ, chế phục Vô minh, được tương tự Phật nhãn Nhất thiết chủng trí, đó là vị nhĩ pháp của Biệt giáo.

Hỏi: Đã nói về giai vị của Biệt giáo, đâu cần phải phối với Noãn, đảnh, nhĩ?

Đáp: Thập địa của Biệt giáo đã phối với bốn quả, thì ba mươi tâm sao lại chẳng phối với Noãn, Đảnh, Nhĩ?

Hỏi: Đã là Bồ-tát Biệt giáo, thì sao còn tu pháp quán Vô tác Bốn đế?

Đáp: Nghĩa này giao kết nhau quan hệ sâu xa chẳng dễ biết, đã nói đầy đủ ở Đại bản, đâu thể tức thời quyết định được?

Thập địa, tức Thánh chủng tánh; vừa vào Sơ địa liền phát chân, thấy rõ phát tánh bình đẳng, tự thể của Pháp giới, an trụ và giữ gìn mà phát sinh ra công đức của chư Phật, kham gánh vác tất cả chúng sinh, cho nên gọi là Địa. Nếu nhìn từ kinh Niết-bàn, thì giai vị này phần chứng lý Bốn đế vô tác, đạt được hai mươi lăm Tam-muội, gọi là chư Tam-muội Vương, đầy đủ năm hạnh, thứ tự thành tựu mười công đức, vào mười địa, e rằng ý nghĩa phần nhiều tại nơi đây. Nay nói Bồ-tát Thập địa, như vừa vào Sơ địa liền chứng chân Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế, gồm chiếu Nhị đế, tâm tâm vắng lặng, tự nhiên lưu nhập biển Tát-bà-nhã, đoạn trừ vô minh trụ địa, phần chứng Phật nhãn chủng trí, đạt được hai thân chân, ứng của Như Lai, giáo hóa khắp mười phương. Đầu

tiên từ Sơ địa cho đến địa thứ mười đều đoạn vô minh, nhưng căn cứ theo vị thì có thể phân làm ba đạo: Một là Sơ địa là Kiến đạo; hai, từ địa thứ hai đến địa thứ sáu là Tu đạo; ba, từ địa thứ bảy trở lên là Vô học đạo. Các Sư địa luận cho rằng từ địa thứ hai đến địa thứ bảy là Tu đạo, địa thứ tám trở lên gọi là Vô học đạo. Bồ-tát Sơ địa đầy đủ năm hạnh, e rằng đó là công đức của Sơ địa, còn công đức của chín địa kia thì có thể đối với chín địa mà lập. Nói phá vô minh biệt kiến hoặc, như kinh Đại Niết-bàn nói: “Từ đây trở về trước đều gọi là người tà kiến”; thế thì hàng Tam thừa của Tạng, Thông giáo đều chưa thấy lý này, nên đều gọi là người tà kiến. Như Đại sĩ quả trách Tu Bồ-đề “Lục sư là thầy của ông, Thiên ma, Ngoại đạo chung cho một tay làm người bạn trần lao”, ý tại nơi đây, cho đến Thập tín, ba mươi tâm của Biệt giáo tuy phục các hoặc này, nhưng chưa thể đoạn dứt, còn Vô minh biệt kiến, ý chê trách các Bồ-tát chính là tại nơi đây. Từ địa thứ hai đến địa thứ sáu là Tu đạo, đoạn Biệt hoặc là ái trong ba cõi, như luận Đại Trí ghi: “Ngài Ca-diếp nghe âm thanh của tiếng đàn Chân-ca-la, tâm không thể an định. Ngài Ca-diếp nói: “Năm dục trong ba cõi ta đã đoạn dứt, còn đây là năm dục do công đức tịnh diệu của Bồ-tát tạo ra cho nên đối với các món này ta không thể an định được.” Ái của cõi Sắc và Vô sắc cũng ví như thế. Trong kinh này, Đại sĩ quả trách Tu-bồ-đề rằng “Đồng ở nơi phiến nã, chẳng đến bờ kia, vào nơi tám nạn chẳng thể không có nạn”, ý nghĩa tại nơi đây. Cho nên từ địa thứ hai đến địa thứ sáu gọi chung là Tu đạo, đoạn biệt hoặc này. Nay theo nghĩa mà suy thì Ly cấu địa thứ hai tức dần dần đoạn trừ Dục ái của Biệt giáo gọi là Tư-đà-hàm hương, Minh địa thứ ba là Tư-đà-hàm hương, Minh địa thứ ba là Tư-đà-hàm quả của Biệt giáo, Viên địa thứ tư là A-na-hàm hương của Biệt giáo. Nan thắng địa thứ năm là A-na-hàm quả của Biệt giáo, đã đoạn trừ Biệt ái ở cõi Dục. Hiện tiền địa thứ sáu tức A-la-hán hương của Biệt giáo, đoạn Biệt ái ở cõi Sắc và Vô sắc. Viễn hành địa thứ bảy tức A-la-hán quả địa của Biệt giáo, đoạn tận Biệt ái của cõi Sắc và Vô sắc, cho nên từ đây trở đi gọi là Vô học đạo.

Hỏi: Cách phối hợp với bốn quả này xuất xứ từ kinh nào?

Đáp: Biệt giáo nói về đoạn phục, phối hợp với bốn quả, thì có nhiều kinh luận nói khác nhau. Các Pháp sư Đại thừa sử dụng cũng chẳng giống. Các Sư Địa luận thông về giáo, phán định giai vị rằng: Sơ địa là đoạn kiến, địa thứ hai là đoạn ái ở cõi Dục, địa thứ ba đoạn ái của cõi Sắc, địa thứ tư ái của cõi Vô sắc. Các sư Địa luận thông về tông lại phán định về vị rằng: địa thứ ba đoạn kiến gọi là Tu-đà-hoàn, từ địa thứ

từ đến địa thứ sáu, gọi là Tư-đà-hàm là y Pháp sư thứ hai, từ địa thứ bảy đến địa thứ chín là A-na-hàm là y Pháp sư thứ ba, cho rằng từ địa thứ mười đến Đẳng giác là A-la-hán là y Pháp sư thứ tư. Lại, có người nói rằng địa thứ ba đoạn kiến, địa thứ tư gọi là Tư-đà-hàm, địa thứ năm là A-na-hàm, địa thứ sáu là A-la-hán. Có người y cứ vào kinh Nhân Vương nói địa thứ tư là đoạn kiến, địa thứ năm là Tư-đà-hàm, địa thứ sáu là A-na-hàm, địa thứ bảy là A-la-hán. Có nhiều thuyết khác nhau như thế khó có thể y cứ nhất định. Nay theo nghĩa mà suy xét, tạo cách phối hợp với bốn quả ở trên, xem tựa có thuận tiện, nhưng không có văn minh chứng. Ý Phật thật khó biết, chẳng nên chấp giữ sai lầm.

Hỏi: Vì sao giải thích là không nhất định?

Đáp: Như trước đã nói, bất động địa thứ tám là Bích-chi-Phật địa của Biệt giáo, các Sư Địa luận nói rằng “Từ đây nói về Vô học đạo, chưa biết xuất xứ từ kinh luận nào?” không chỉ địa thứ tám được Vô sinh nhẫn, mà còn đạt được Tịch mà thường dụng, dụng mà vô tướng, vô công dụng tâm, tự nhiên đoạn trừ vô minh hoặc và Sắc tập của pháp giới. Thiên tuệ địa thứ chín, vô minh đã mỏng dần tâm đoạn tập Khí đã dứt, tuệ càng sáng tỏ, khéo vào nơi thật tướng. Pháp Vân địa thứ mười, có từ bi và trí tuệ như vầng mây lớn, tâm Từ bi bao phủ tất cả, rưới cơn mưa pháp, vầng mây tuệ hay giữ gìn cơn mưa pháp mà chư Phật mười phương đã tuyên thuyết và hay đoạn trừ mười phẩm vô minh.

Đẳng giác địa: Tức trí biên tế đã mãn mà nhập vào Trùng huyền môn. Nếu đối với Pháp vân địa thì gọi đây là Phật, nếu đối với Diệu giác thì gọi giai vị này là Kim cang tâm Bồ-tát, cũng gọi là Vô cấu địa Bồ-tát, ba ma đã tận trừ, chỉ còn một phẩm ma tử nơi đoạn vô minh tập.

Hỏi: Vì sao Thông giáo chẳng luận đến Đẳng giác Phật?

Đáp: Tập khí ở ba cõi dễ trừ sinh, nên chẳng cần ngoài pháp Vân địa lại lập Đẳng giác

Hỏi: Kinh luận Biệt giáo vì sao có nơi nói sau Pháp vân địa lại có

Kim cang Đẳng giác? Có nơi chỉ nói hạnh Thập địa hoàn mãn thì liền đạt quả Phật, các sư ở hai vùng Nam Bắc tranh luận nhau về điều này?

Đáp: Lập thêm Đẳng giác chưa hẳn là ngăn ngại, vì sao? Như kinh Hoa Nghiêm nói công đức trí tuệ của Pháp Vân địa, nếu so với Phật thì như đất trên móng tay với tất cả đại địa. Nếu thế, tuy nói một phẩm vô minh mà thật chẳng thể nói là phẩm, vì sao biết được? Vì bậc Bồ-tát tâm sau cùng thì vô công dụng đạo mà nhanh chóng như gió, trong một ngày có thể phá vô lượng phẩm vô minh hoặc chướng, huống hồ kinh Anh Lạc nói Bồ-tát Đẳng giác nhập Trùng Huyền môn từ trăm ngàn ức

kiếp, mà trở lại tu tập việc phàm phu. Vì thế ngoài Pháp vân địa mà lại lập Kim Cang tâm Đẳng giác Phật, theo lý chẳng có gì sai phạm. Nếu biết một phẩm có vô lượng phẩm vô minh, dùng trí vô ngại của Pháp vân địa trừ tận thì đâu cần lập ra Đẳng giác.

Diệu giác địa, sau Kim Cang tâm, rỗng rang, thấu suốt tận nguồn của diệu trí, vô minh tập khí vĩnh viễn tận trừ gọi đó là giải thoát, lặng lẽ không còn phiền lụy, đạt được tịch mà thường chiếu, nên gọi là Diệu giác địa. Phật quả thường trụ đầy đủ tất cả Phật pháp, gọi là quả Bồ-đề, bốn đức Niết-bàn gọi là quả quả.

Hỏi: Dùng Kim Cang trí đoạn vô minh hay dùng Diệu giác đoạn vô minh?

Đáp: Kinh Niết-bàn ghi: “Có sở đoạn gọi là Hữu thượng sĩ, không có sở đoạn gọi là Vô thượng sĩ.”

Hỏi: Vì sao kinh Thắng Man ghi: “Sức của Vô minh trụ địa rất mạnh, trí Bồ-đề của Phật mới đoạn được?”

Đáp: Nếu dùng Biệt tiếp Thông thì Thập địa, Đẳng giác tức là trí Bồ-đề của Phật, vì sao? Kinh Niết-bàn ghi: “Bồ-tát trụ thứ chín gọi là Văn kiến, Bồ-tát Thập trụ gọi là Nhân kiến, tuy thấy Phật tánh, nhưng chẳng rõ ràng, vì đạo vô ngại và hoặc cùng trụ nên chẳng thể rõ ràng, còn chư Phật Như Lai thì thấu suốt thấy được rõ ràng, vì chân giải thoát vắng lặng vượt ngoài trần lụy. Nếu Biệt giáo nói về nghĩa, thì sơ Hoan hỷ địa đã dùng trí Bồ-đề Phật đoạn phẩm vô minh đầu tiên, cho đến tâm sau cùng của Đẳng giác mới đoạn hoàn toàn. Còn như Viên giáo nói về nghĩa, thì từ mới phát tâm đã trụ nơi trí Bồ-đề Phật đoạn phẩm vô minh đầu tiên, cho đến tâm sau cùng của Đẳng giác mới hoàn toàn đoạn tận.

* **Ba, căn cứ theo giai vị Biệt giáo để giải thích từ Tịnh Vô cấu xứng:** Ngài Duy-ma đã là vị Đạo sĩ Nhất sinh bổ xứ, tức là pháp thân Đại sĩ trụ ở Kim Cang tâm Đẳng giác là Bồ-tát Vô cấu. Vì lý Phật tánh hiển bày nên gọi là Tịnh, Chánh tập khí của Biệt hoặc đã tận trừ, Tập khí tàn dư của vô minh như làn khói mỏng, tuy có mà như không, nên gọi là Vô cấu. Trí Biên tế đã mãn, bên trong hợp với lý sâu xa, bên ngoài hoạt dụng vô cùng, đạt được sự bình đẳng nơi pháp giới, ứng duyên hành hóa, nên gọi là Xứng. Cho nên gọi là Tịnh Vô cấu xứng. Như thế, đâu đồng với nghĩa Tịnh Vô cấu xứng mà Tạng giáo, Thông giáo đã luận. Sở dĩ giáo tích hiện đồng giai vị Bổ xứ là vì để quả trách Tam thừa Tạng giáo, Thông giáo mà nhiếp thọ Bồ-tát Đại thừa Biệt giáo.